TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 23/2025/DS-PT Ngày 20/01/2025 "V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chế Linh

Các Thẩm phán: Ông Võ Bảo Anh

Bà Hồ Thị Tuyết Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Phong Lan là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 362/2024/TLPT-DS ngày 06 tháng 11 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 83/2024/DS-ST ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Bình Thuỷ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 506/2024/QĐ-PT ngày 13 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đàm Tá O, sinh năm 1960. Địa chỉ: số A đường C, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: bà Mai Thị Ngọc O1, sinh năm 1994. Địa chỉ: số E đường H, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn:* Ông Ngô Văn N, sinh năm 1984. Địa chỉ: số F đường số E, khu dân cư N, phường B, quận B, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: ông Hoàng Duy N1 sinh năm 1994. Địa chỉ: số A T, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.

- Người kháng cáo: Ông Ngô Văn N là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai và biên bản hòa giải, đối chất ngày 12/03/2024 đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Qua quá trình quen biết, ông Đàm Tá O có cho ông Ngô Văn N vay tiền nhiều lần từ năm 2019 đến năm 2022 tổng số tiền gốc là 3.713.360.000 đồng. Theo đó, ngày 15/03/2022 hai bên có viết biên bản xác nhận nợ và cam kết trả nợ, theo đó, ông N có thừa nhận nợ ông O số tiền 3.713.360.000 đồng gốc và tiền lãi thỏa thuận giữa hai bên 742.672.000 đồng. Tổng cộng 4.456.032.000đồng trừ đi 60.000.000 đồng đã trả còn lại 4.396.032.000 đồng.

Ông N đã đồng ý số tiền 4.396.032.000 đồng nêu trên là đúng và cam kết trả nợ đúng hạn. Tuy nhiên cho đến nay ông N vẫn chưa thực hiện trả nợ theo biên bản cam kết trả nợ nêu trên, đồng thời chây ì, né tránh trách nhiệm trả nợ. Trong qúa trình đòi nợ, vì không tìm thấy ông N nên ông O có nhờ ông Nguyễn Văn T tìm để nhắc nợ. Tuy nhiên, ông T và ông N cấu kết với nhau ghi vào bản cam kết xác nhận hết nợ, đến nay ông O vẫn chưa nhận được số tiền nào từ ông N. Nay ông Đàm Tá O yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau: Buộc ông Ngô Văn N trả cho ông O số tiền 4.396.032.000đồng và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 15/03/2022 đến ngày 20/8/2023 là 943.315.200 đồng. Tổng cộng: 5. 339.347.200 đồng.

** Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:*

Trước đây, ông Ngô Văn N có vay tiền của ông Đàm Tá O và được đảm bảo bằng 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ). Trong đó có GCNQSDĐ số AO 219115 do Ủy ban nhân dân quận Ô cấp ngày 15/05/2009 cấp cho ông Ngô Văn N và 01 GCNQSDĐ đứng tên người khác.

Hai bên có lập biên bản xác nhận nợ và cam kết ngày 15/03/2022 về việc ông N trả nợ cho ông O thì ông O trả lại hai GCNQSDĐ trên cho ông N. Tuy nhiên, đến ngày 24/04/2023, ông O cho biết đã chuyển toàn bộ phần nợ của ông N nợ ông O sang cho ông Nguyễn Văn T. Để đảm bảo cho việc này, giữa ông N và ông T đã lập giấy nhận nợ ngày 24/04/2023 có các nhân chứng là ông Trần Quốc T1, Lê Đức T2. Đồng thời ông O cũng đưa lại bản gốc biên bản xác nhận nợ ngày 15/03/2022 để ông T xác nhận nội dung: "Ông N không còn nợ ông Đàm Tá O nữa" để tránh tình trạng một khoản nợ nhưng hai người đòi nợ.

Nay, ông N có ý kiến như sau:

- Đề nghị triệu tập ông Nguyễn Văn T, ông Trần Quốc T1, ông Lê Đức T2 tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan để làm rõ chủ nợ cuối cùng đối với khoản nợ của ông Ngô Văn N là ông Đàm Tá O hay ông Nguyễn Văn T.

- Đối với số tiền nợ ông N nợ ông O như sau:

+ Nợ gốc: 2.575.000.000 đồng (gồm 02 GCNQSDĐ trị giá 800.000.000 đồng và nợ gốc bán đất số tiền 1.775.000.000 đồng)

+ Nợ lãi: tính theo quy định pháp luật, phần tiền lãi vượt mức quy định mà ông N đã đóng trừ vào tiền lãi ông N có nghĩa vụ trả.

Đề nghị ông Đàm Tá O hoặc ông Nguyễn Văn T trả lại các GCNQSDĐ đang giữ của ông Ngô Văn N.

Tại Bản án sơ thẩm số 83/2024/DSST ngày 30 tháng 7 năm 2024, Toà án nhân dân quận Bình Thuỷ đã tuyên xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đàm Tá O đối với bị đơn ông Ngô Văn N. Buộc bị đơn ông Ngô Văn N có trách nhiệm trả cho nguyên đơn ông Đàm Tá O theo biên nhận nợ ngày 15/3/2022 tổng số tiền tính đến ngày 26/7/2024 là 3.106.895.833 đồng.

Trong đó số tiền vốn gốc là 1.775.000 đồng. Số tiền lãi tính đến ngày 26/7/2024 là 1.391.895.838 đồng. Khấu trừ số tiền 60.000.000 đồng các bên thống nhất bị đơn đã trả trước đó cho nguyên đơn.

Thời gian và cách trả do Chi cục Thi hành án Dân sự quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ giải quyết theo thẩm quyền.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định pháp luật.

2. Bác yêu cầu phản tố theo đơn phản tố ngày 28/5/2024 của bị đơn về việc yêu cầu nguyên đơn khấu trừ 263.000.000 đồng.

3. Ông Đàm Tá O trả lại cho ông Ngô Văn N 01 GCNQSDĐ số H00154 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 26/10/2009 cho ông Lê Văn H tại thửa số 627, tờ bản đồ số 07, phần đất có diện tích 8502m2 tại Ấp T, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ khi ông N thanh toán xong phần nợ nêu trên cho ông O.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Ngô Văn N phải chịu 120.437.917 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí bị đơn nộp theo biên lai thu số 0002778 ngày 01.6.2024, bị đơn phải nộp 107.287.917 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Nguyên đơn được miễn tạm ứng án phí và án phí theo quy định.

Bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các bên theo luật định.

Tại đơn kháng cáo đề ngày 07/8/2024, bị đơn cho rằng, bản án sơ thẩm không xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ đã ảnh hưởng đến quyền lợi của bị đơn, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn cho rằng, việc Toà án cấp sơ thẩm không triệu tập ông Nguyễn Văn T tham gia tố tụng là thiếu sót nghiêm trọng vì ông T là mấu chốt của vụ án, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm để xét xử lại vụ án.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tại phiên tòa: Người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, các quy định pháp luật liên quan, đại diện Viện kiểm sát cho rằng bị đơn kháng cáo không cung cấp được chứng cứ mới, bản án sơ thẩm đã xét xử có

căn có nên đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện và các chứng cứ đã thẩm tra cho thấy, các bên tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Toà án nhân dân quận Bình Thuỷ đã thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền và xác định đúng quan hệ tranh chấp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Thấy rằng, hai bên đã thống nhất số nợ gốc là 1.775.000.000 đồng, phù hợp với 04 biên nhận nợ mà nguyên đơn cung cấp. Ngày 15/3/2022, hai bên xác nhận nợ. Theo nội dung của biên bản xác nhận nợ này cho thấy nguyên đơn cho vay với mức lãi suất 4%/tháng là cao hơn mức lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Do vay có lãi nên mức lãi đối với từng biên nhận được tính theo mức lãi quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Theo đó, số tiền lãi được tính sẽ cao hơn số tiền lãi mà Toà án cấp sơ thẩm đã tính. Điều này có lợi cho bị đơn nhưng nguyên đơn không kháng cáo nên không điều chỉnh. Vấn đề còn lại là xem xét về yêu cầu chuyển giao nợ và khấu trừ lãi đã đóng theo trình bày của bị đơn có căn cứ chấp nhận hay không.

[3] Xét về biên bản xác nhận nợ và cam kết của ông Ngô Văn N ngày 15/3/2022, cuối biên bản có xác nhận của ông Nguyễn Văn T với nội dung: "Ngô Văn N không còn nợ của Đàm Tá O". Việc xác nhận này là đơn phương, ông O không thừa nhận và không ký vào biên bản này. Toà án cấp sơ thẩm đã tạo điều kiện cho đương sự thời gian để cung cấp địa chỉ ông T nhằm làm rõ sự việc nhưng các bên không cung cấp được. Với chứng cứ hiện tại thì không đủ cơ sở để xác định việc chuyển giao nợ như ông N trình bày. Do vậy, yêu cầu huỷ bản án sơ thẩm của bị đơn không được chấp nhận.

[4] Đối với yêu cầu khấu trừ số tiền 263.000.000 đồng mà bị đơn đã chuyển khoản cho nguyên đơn, bị đơn có xuất trình bản sao các lần chuyển khoản. Qua xem xét các tài liệu chuyển khoản cho thấy, số tài khoản thụ hưởng là 070079205281 (S) là của nguyên đơn. Tuy nhiên, các tài liệu thể hiện tài khoản nguồn là 0391000971165 (V) là của Trịnh Thị Lưu . Theo biên bản phiên toà sơ thẩm cũng như tại phiên toà phúc thẩm, bị đơn khai bà L là nhân viên công ty của ông N. Bà Lưu C cho ông O để trả lãi cho ông N. Hồ sơ không có xác thực và lời khai của bà L để làm rõ các khoản tiền này nên chưa đủ cơ sở khấu trừ tiền này cho bị đơn. Khi có đủ căn cứ, ông N, bà L có quyền khởi kiện vụ kiện dân sự khác theo quy định của pháp luật.

[5] Từ những nhận định trên cho thấy, bản án sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ nên kháng cáo của bị đơn không có cơ sở chấp nhận. Đối với việc, Toà án sơ thẩm tuyên nguyên đơn giao lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Lê Văn H đứng tên cho bị đơn khi bị đơn thanh toán nợ. Thấy rằng, theo thừa nhận của các bên thì giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này do bị đơn chiếm giữ và giao lại cho nguyên đơn nên khi giải quyết tranh chấp, Toà án buộc nguyên đơn

giao lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bị đơn. Trong thời gian chiếm giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nếu bị đơn có hành vi gây thiệt hại về tài sản này của ông H thì phải tự chịu trách nhiệm. Ông H có quyền thực hiện quyền đòi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

[6] Về thời điểm tính lãi, các bên có thoả thuận vay có lãi suất nên theo quy định tại Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi thì thời gian tính lãi tiếp theo trong giai đoạn thi hành là tính từ tiếp theo ngày tuyên án sơ thẩm, mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự (hiện tại là 20%/năm). Tuy nhiên, vấn đề này nguyên đơn không kháng cáo nên không điều chỉnh. Bên cạnh đó, việc yêu cầu khấu trừ số tiền 263.000.000 đồng của bị đơn, không phải là yêu cầu phản tố nên không tuyên trong phần quyết định, Toà án cấp phúc thẩm điều chỉnh lại cách tuyên, án phí dân sự sơ thẩm cho phù hợp.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm, do kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc ông Ngô Văn N trả cho ông Đàm Tá O số tiền 3.106.895.838 đồng (Trong đó, nợ vốn là 1.775.000.000 đồng, nợ lãi là 1.331.895.938 đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn chưa trả hết số tiền nêu trên thì bị đơn còn phải chịu tiền lãi theo lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự (hiện tại là 1,66%/tháng) đối với số tiền và thời gian chậm trả.

2.Ông Đàm Tá O trả lại cho ông Ngô Văn N 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lê Văn H (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00154 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 26/10/2009).

3.Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Ngô Văn N chịu 94.137.917 đồng, khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp (13.150.000 đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002778 ngày 01/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thuỷ, ông N còn phải nộp thêm 80.987.917 đồng.

4.Án phí dân sự phúc thẩm, bị đơn chịu 300.000 đồng, chuyển tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0002908 ngày 14/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thuỷ thành án phí, coi như bị đơn đã nộp xong.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND.TPCT;
- TAND quận Bình Thuỷ
- THADS quận Bình Thuỷ
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Chế Linh